

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 44/2025/HS-ST
Ngày: 12-8-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Anh;

Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2025/TLST-HS ngày 20/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HS ngày 30/7/2025 đối với bị cáo:

Lê Đình C, sinh năm 1994 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn P, xã T (C là xã X, huyện T), tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T, sinh năm 1972 và bà Ngô Thị T1, sinh năm 1976; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Lê Thị L, sinh năm 1995, có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, buộc chấp hành chung hình phạt 02 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ từ ngày 24/10/2024, chuyển tạm giam ngày 02/11/2024 theo lệnh số 383/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ (B).

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Nguyễn Tú B, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ A, khu phố H, phường P, tỉnh Đồng Nai

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình C là đối tượng sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng 20 giờ ngày 30/9/2024, sau khi chơi điện tử, C rời tiệm internet (không nhớ tên) thuộc phường T, thành phố B đem theo 01 ba lô và đi bộ ra đường nhặt ve chai bán kiếm tiền. Trên đường đi, C nhặt được 01 dưa sứt có đầu nhọn bỏ vào ba lô và gọi điện cho bạn tên Đ (không rõ họ, địa chỉ) sống ở khu L thuộc xã T, huyện V hỏi mượn tiền, Đ đồng ý. Sau đó C thuê xe ôm biển số 37N1-560.26 do anh Nguyễn Tú B, sinh năm 1986 cư trú tại khu phố H, phường P, thành phố B điều khiển chở tới làng B. Trên đường đi, C gọi điện thoại lại cho Đ nhưng không liên lạc được nên đã nảy sinh ý định cướp tài sản của anh B. C chỉ dẫn anh B đi vào đoạn đường hẻm tối, vắng người qua lại thuộc ấp V, xã T, huyện V rồi lấy cây dưa trong ba lô dí vào vai anh B yêu cầu đưa tiền, anh B gạt tay làm xe mô tô và người cùng ngã xuống đường. Lúc này C cầm dưa sứt ở tay phải đâm nhiều cái trúng đầu, mặt và dùng tay siết cổ anh B yêu cầu đưa ví tiền, điện thoại di động. Anh B nói điện thoại để trong ba lô trên gác ba ga còn ví tiền để trong xe mô tô biển số 37N1-560.26. C đẩy anh B ra đến lấy tài sản và xe mô tô của anh B bỏ chạy về hướng bên xe T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Anh Nguyễn Tú B được quần chúng nhân dân phát hiện đưa đến Công an xã T tố giác tội phạm. Lực lượng Công an tiếp nhận nguồn tin lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên đường bỏ trốn C dừng lại bên lề đường vứt dưa sứt, kiểm tra ba lô và trong cốp xe mô tô có 01 điện thoại di động Oppo A77S, các giấy tờ tùy thân của anh B và số tiền 100.000 đồng để trong ví da. Sáng ngày 02/10/2024, C bán xe mô tô biển số 37N1-560.26 và giấy đăng ký xe mô tô cho người không rõ họ tên, địa chỉ được 3.500.000 đồng rồi bỏ trốn.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V truy xét đến ngày 24/10/2024 phát hiện trên người C có điện thoại di động, ví da và một số giấy tờ tùy thân của anh Nguyễn Tú B, đã tiến hành bắt khẩn cấp C để xử lý theo quy định pháp luật.

* Tang vật, tài sản thu giữ:

- Thu tại hiện trường: 01 đồng hồ hiệu OLYM PRECIOUS màu trắng mặt đồng hồ màu đen của Lê Đình C làm rơi do anh Nguyễn Tú B giao nộp; 01 ba lô màu xanh, 01 đôi dép, 01 nón bảo hiểm.

- Thu giữ của Lê Đình C: 01 giấy phép lái xe số 010125003017 tên Lê Đình C; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77S; 01 căn cước công dân số 040086078356; 01 thẻ mã số thuế cá nhân tên Nguyễn Tú B; 02 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô - xe gắn máy biển số: 37N1-560.26 mang tên Trần Thị H - sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm B, H, H, Nghệ An; 01 ví bên trong có mảnh giấy có ghi nội dung: 0396196584, 0375454584 Nguyễn Tú B.

- 01 thẻ nhớ hiệu Hoco chứa dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án lưu vào hồ sơ vụ án.

Xe mô tô biển số 37N1-560.26 và dưa sứt, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-ĐGTS ngày 25/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện V kết luận: xe mô tô biển số 37N1-560.26 hiệu Honda loại Wave Alpha giá 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S giá 1.200.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 05/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 ví da màu nâu trị giá 80.000 đồng; 01 ba lô bằng vải sợi màu đen có viền màu đỏ trị giá 140.000 đồng

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 8.520.000 đồng (gồm 8.420.000 đồng tiền tài sản thiệt hại và 100.000 đồng tiền mặt).

* Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 1298/KLTTCT-TTPYĐN ngày 04/12/2024 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Tú B:

1. Các kết quả chính:

- + Sẹo vùng đỉnh thái dương phải kích thước nhỏ.
- + Sẹo vùng đỉnh thái dương phải kích thước nhỏ.
- + Sẹo vùng mi mắt phải kích thước nhỏ.
- + Sẹo vùng cằm phải kích thước nhỏ.
- + Sẹo vành tai phải kích thước nhỏ; không có rúm vành tai.
- + Sẹo vai phải kích thước nhỏ.

2. Kết luận:

- + Sẹo vùng đỉnh thái dương phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- + Sẹo vùng đỉnh thái dương phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%
- + Sẹo vùng mi mắt phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 03%
- + Sẹo vùng cằm phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 03%
- + Sẹo vành tai phải kích thước nhỏ; không có rúm vành tai. Tỷ lệ: 02%
- + Sẹo vai phải kích thước nhỏ. Tỷ lệ: 01%

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Tú B, sinh năm 1986 tại thời điểm giám định là: 11%.

3. Kết luận khác:

Vật gây thương tích:

- + Thương tích đầu, mặt, vai phải, tai phải: Vật sắc hoặc vật sắc nhọn.
- + Chấn thương đầu mặt - cổ gáy: Vật tày.

* Về dân sự: Anh Nguyễn Tú B yêu cầu bị cáo Lê Đình C bồi thường thiệt hại 101.432.926 đồng, bị cáo C chưa bồi thường.

* Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKSVC ngày 19/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai) đã truy tố bị cáo Lê Đình C về tội “Cướp tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo: Khai nhận hành vi đúng như nội dung miêu tả của Cáo trạng, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại tổng cộng số tiền 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thay đổi yêu cầu bị cáo bồi thường, cụ thể: Yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, giá trị của tài sản bị chiếm đoạt và các chi phí khác, tổng cộng số tiền 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai): Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt tù: 08 (T2) năm đến 08 (T2) năm 06 (S) tháng tù. Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu xanh, 01 đôi dép, 01 nón bảo hiểm; Trả lại cho bị cáo 01 đồng hồ, 01 giấy phép lái xe; Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

[2.1]. Tại phiên tòa lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Vào tối ngày 30/9/2024 tại đoạn đường thuộc ấp V, xã T, huyện V (N là phường T), tỉnh Đồng Nai. Bị cáo Lê Đình C có hành vi dùng dũa sắt tấn công và siết cổ anh Nguyễn Tú B chiếm đoạt xe mô tô biển số 37N1-560.26, điện thoại di động, bóp tiền và các giấy tờ liên quan của anh B. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 8.520.000 đồng. Đồng thời, gây thương tích cho anh B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11% .

[2.2]. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Việc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 109/CT-VKSVC ngày 19/6/2025 của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai) là có cơ sở đúng người và đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, ngoài ra còn xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đã từng bị xử phạt tù đối với hành vi trái pháp luật về chiếm đoạt tài sản, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo có ông Lê Đình T3 là liệt sĩ (là ông cố nội của bị cáo), ông Lê Đình Đ1 tham gia kháng chiến được tặng huân chương hạng 3 (là ông nội của bị cáo) nên Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Tú B yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 101.432.926 đồng. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa anh B thay đổi yêu cầu bị cáo bồi thường: Yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, giá trị của tài sản bị chiếm đoạt và các chi phí khác, tổng cộng số tiền 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại tổng cộng số tiền 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh B tổng cộng số tiền 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

[6]. Về biện pháp tư pháp và tình tiết khác liên quan đến vụ án:

[6.1]. Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu xanh, 01 đôi dép, 01 nón bảo hiểm (không còn giá trị sử dụng). Giao trả 01 đồng hồ hiệu OLYM PRECIOUS màu trắng mặt đồng hồ màu đen và 01 giấy phép lái xe số 010125003017 cho bị cáo Lê Đình C.

[6.2]. Đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A77S, 01 căn cước công dân số 040086078356, 01 thẻ mã số thuế cá nhân tên Nguyễn Tú B, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm mô tô, xe gắn máy biển kiểm soát 37N1-560.26 tên Trần Thị H, 01 bóp bên trong có mảnh giấy có ghi nội dung 0396196584, 0375454584 Cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả cho anh Nguyễn Tú B là đúng quy định của pháp luật.

[6.3]. Đối với đối tượng mua xe mô tô biển số 37N1-560.26 do bị cáo C chiếm đoạt của anh B, yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình C phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: bị cáo Lê Đình C **08 (Tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt khẩn cấp và tạm giữ là ngày 24 tháng 10 năm 2024.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lê Đình C bồi thường cho anh Nguyễn Tú B, tổng cộng 60.872.000đ (Sáu mươi triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu xanh, 01 đôi dép, 01 nón bảo hiểm (không còn giá trị sử dụng). Trả lại: 01 đồng hồ hiệu OLYM PRECIOUS màu trắng, mặt đồng hồ màu đen và 01 giấy phép lái xe số 010125003017 cho bị cáo Lê Đình C. Theo “Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản” ngày 23/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Đình C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.043.600đ (Ba triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự, Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai – Phân trại tạm giam khu vực huyện Vĩnh Cửu;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Ủy ban nhân dân phường (xã) của bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lê Huy Công